

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ KHAI GIÁ
XĂNG, DẦU THÀNH PHẨM TIÊU THỤ NỘI ĐỊA
Giá kê khai áp dụng từ ngày 02/10/2023

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ			
I	Tổng Đại lý DNTN Trương Dung											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
II	DNTN An Kiên											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
III	Chi nhánh Công ty cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
IV	Công ty TNHH một thành viên Dầu khí HCM											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	24.190		24.190	23.500		23.500	-690	-2,85	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.740		25.740	24.840		24.840	-900	-3,5	
V	Thương nhân phân phối - Cty TNHH Trương Phát Thịnh											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lit	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lit	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
VI	Công ty TNHH TM-DV Mỹ Hòa											

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán	Giá kê khai bán lẻ			
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lít	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
VII DNTN Hiệp Hưng ✓												
1	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
VIII Công ty TNHH Dương Đông - An Giang ✓												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lít	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
IX Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang ✓												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lít	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
X Công ty cổ phần TMDV Năng lượng Hoàng Gia - Chi nhánh An Giang												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lít	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
XI Chi nhánh Tổng Công ty TM-XNK Thanh Lễ - CTCP tại An Giang ✓												
1	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
XII Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hòa Bình ✓												
1	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
XIII CTCP TMDT Dầu khí Nam Sông Hậu												
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	d/lít	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	
XIV Công ty TNHH Xăng dầu Huy Hoàng ✓												
1	Xăng RON 95-III	TCVN	d/lít	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức kê khai hiện hành			Mức kê khai mới			Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
				Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ	Giá kê khai	Giá kê khai bán buôn	Giá kê khai bán lẻ			
XV	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu khí Cửu Long tại An Giang											
1	Xăng E5 RON 92-II	TCVN	đ/lit	24.390		24.390	23.700		23.700	-690	-2,83	
2	Xăng RON 95-III	TCVN	đ/lit	25.940		25.940	25.040		25.040	-900	-3,47	

LẬP BIỂU



Lê Hoàng Quốc Việt

PHÒNG QUẢN LÝ GIÁ -CÔNG SẢN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Hậu

An Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC



Phan Thị Kim Hai